TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ.

Ông Phạm Anh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định*:**

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị M, sinh năm: 1993;

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị M: Anh Tạ Huy H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 3 phố B, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Xóm 6 xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà: có mặt anh Đ, anh H; chị M xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2017 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn do tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 7 năm 2013 tại Ủy ban nhân

dân tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Sau khi kết hôn được một thời gian thì chị sang Nhật Bản sinh sống cùng với mẹ đẻ còn anh Đ sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Đ không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03-10-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh và chị Đỗ Thị M tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2013 tại Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Sau khi kết hôn được khoảng một tháng thì chị M sang Nhật Bản chung sống cùng mẹ đẻ, chỉ về Việt Nam vài lần. Từ đó đến nay do khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị M. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị M không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị M không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Anh Tạ Huy H trình bày: Anh nhận sự uỷ quyền của chị M để nhận các giấy tờ tài liệu của Toà án giao cho chị M. Anh đã nhận đầy đủ thông báo, giấy triệu tập cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Toà án và anh cũng đã chuyển cho chị M tất cả các giấy tờ của Toà án mà anh đã nhận. Anh cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với công việc anh nhận uỷ quyền từ chị M.

- Anh Phạm Văn Đ: vẫn giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với chị M và không đề nghị Toà án giải quyết về con chung hay tài sản gì.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

Về tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Chị M vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Về nội dung: chị Đỗ Thị M và anh Phạm Văn Đ kết hôn do tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 7 năm 2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét quá trình chung sống, anh Đ và chị M không tìm được tiếng nói chung, hiện anh Đ ở Việt Nam còn chị M làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản. Chị M xác định tình cảm vợ chồng anh chị là không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Toà án căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn Đ và chị Đỗ Thị M.

Về con chung: anh Đ và chị M không có con chung, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị M phải nộp 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị M có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Xét đề nghị của chị M phù hợp với qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị M và anh Phạm Văn Đ kết hôn do tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 7 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị M hiện đang làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản còn anh Đ thì ở Việt Nam. Đã lâu anh chị không có liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, chị M và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị M với anh Đ đã có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng là không còn. Như vậy, đời sống chung giữa anh Đ với chị M là không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

2.2. Về con chung, tài sản chung và phần công nợ của vợ chồng: các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 122; khoản 2 Điều 123; khoản 1, 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 479 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị M với anh Phạm Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải nộp 300.000đồng. Đối trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000620 ngày 10 tháng 9 năm 2018 (anh Tạ Huy H nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị M đã nộp xong án phí.

Báo anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày anh Tạ Huy H nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Mai Thị Minh Hồng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuấn **Phạm Văn Thọ** **Mai Thị Minh Hồng**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Chang và anh Tống Văn Định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Chang và anh Tống Văn Định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định vào ngày 09-11-2010, khi đăng ký kết hôn chị Chang chưa đủ 18 tuổi nên vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị Chang, anh Định bình thường, đã có con chung, nay chị Chang cũng đã đủ tuổi kết hôn, anh chị xác nhận sau thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh Định đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, vợ chồng xa cách, ít

liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị Chang đã có con riêng với người khác. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, căn cứ hướng dẫn tại tiết d 1 điểm d mục 2 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử thấy không cần tuyên huỷ hôn nhân trái pháp luật mà công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chang và anh Định.

[3] Về con chung: Các đương sự thoả thuận sau khi ly hôn anh Tống Văn Định trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tống Văn Đạt, phù hợp với việc hiện cháu Đạt đang sống cùng với ông bà nội. Nguyện vọng của cháu Đạt cũng xin được ở với bố và ông bà nội. Anh Định tự nguyện không yêu cầu chị Chang phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Định. Sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không gây xáo trộn cuộc sống, tâm lý và đảm bảo quyền lợi của con chung, nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Chị Chang tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, khoản 1, 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; tiết d 1 điểm d mục 2 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Chang với anh Tống Văn Định;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc: Giao cho anh Tống Văn Định trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Tống Văn Đạt, sinh ngày 13-5-2011 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị Chang không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Định. Chị Nguyễn Thị Chang có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phượng về việc nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đạt trong thời gian anh Định chưa về nước;

3. Chị Nguyễn Thị Chang tự nguyện nép 300.000® (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm chị Chang đã nộp tại Biên lai số 0001085 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định (chị Chang đã nộp đủ án phí).

Chị Nguyễn Thị Chang và anh Tống Văn Định được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

Mai Thị Minh Hồng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Biên **Trần Văn Khiêm** **Mai Thị Minh Hồng**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 06/4/2018

Tại phòng nghị án trụ sở Toà án nhân dân dân tỉnh Nam Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lê Biên

Ông Trần Văn Khiêm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Chang; ĐKHKTT: Xóm Cộng Hòa, xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường**,** tỉnh Nam Định; cư trú tại: Xóm Bình Minh, xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường**,** tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Tống Văn Định; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm Cộng Hòa, xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường**,** tỉnh Nam Định. Hiện đang trú tại: Số 134 đường Đại Công, khu Đại Viên, thành phố Đào Viên, Đài Loan – Trung Quốc

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Định về phần con chung:* Bà Nguyễn Thị Phượng; cư trú tại: Xóm Cộng Hòa, xã Xuân Phú, huyện Xuân Trường**,** tỉnh Nam Định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Quan điểm ông Biên: Chị Chang và anh Định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị đều xác nhận thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Chang và anh Định.

Về con chung: Các đương sự thoả thuận sau khi ly hôn anh Tống Văn Định trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tống Văn Đạt. Sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, nên cần chấp nhận.

Vì vậy, cần: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, khoản 1, 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Chang với anh Tống Văn Định;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc: Giao cho anh Tống Văn Định trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Tống Văn Đạt, sinh ngày 13-5-2011 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị Chang không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Định. Chị Nguyễn Thị Chang có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phượng về việc nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đạt trong thời gian anh Định chưa về nước;

3. Án phí: Chị Chang tự nguyện nép 300.000® (Ba trăm ngàn đồng).

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Quan điểm ông Khiêm và bà Tuyết: Nhất trí quan điểm ông Biên

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 ý kiến nhất trí với nội dung trên.

Việc nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06/4/2018

Bi³n b¶n nghị án ®· được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Biên **Trần Văn Khiêm** **Nguyễn Thị Bạch Tuyết**